

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 28

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở thịt heo củ cải, su su, hành tây, cải ca ron - Nhóm 2: Cháo thịt băm su su, cải caron - Uống sữa
Trưa: Cơm trắng - Cá diêu hồng chiên nước mắm - Canh rau đay, mướp nấu cua đồng - NT Nhóm 2: Cháo cá cà rốt
Xế: Bánh flan
Xế chiều: Miến nấu thịt gà - Nhóm 2: Cháo thịt gà bí ngòi, nấm kim châm

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	6,280	18,840
2	0494	Đường cát	200	3,780	7,560
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,700	2,560	43,520
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	50	5,780	2,890
9	0645	Bánh phở khô	200	8,800	17,600
10	N0770	Thịt nạc dăm	400	18,380	73,520
11	0103	Củ cải trắng	200	2,730	5,460
12	0180	Su su	200	3,260	6,520
13	0121	Hành tây	100	3,570	3,570
14	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,410	3,205
15	0098	Cải xanh	100	5,040	5,040
16	N0861	Dầu màu điều	30	42,900	12,870
17	N0799	Cá diêu hồng phi lê	1,700	22,890	389,130
18	0152	Rau đay	300	4,620	13,860
19	0136	Mướp	400	3,990	15,960
20	0407	Cua đồng	300	19,950	59,850
21	0038	Miến dong	200	5,390	10,780
22	N0965	Nấm kim châm	100	10,610	10,610
23	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
24	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bán)	200	6,200	12,400
25	0172	Rau xà lách	100	5,460	5,460
26	N0772	Thịt ức gà	400	12,920	51,680

27	0457	Sữa bột toàn phần	542.4	19,500	105,768
28	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	896	14,750	132,160
Tổng cộng					1,036,003

Tổng tiền thực phẩm	1,036,003
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,036,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	-3
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	56
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	2,072,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	2,072,003

Phó Hiệu Trưởng

Cấp Dưỡng

Kế Toán

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan